

CHÍNH PHỦ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 78/NQ-CP

Hà Nội, ngày 18 tháng 8 năm 2017

NGHỊ QUYẾT

**Về việc đơn giản hóa thủ tục hành chính, giấy tờ công dân
liên quan đến quản lý dân cư thuộc phạm vi quản lý nhà nước
của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch**

CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Xét đề nghị của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thông qua phương án đơn giản hóa thủ tục hành chính, giấy tờ công dân liên quan đến quản lý dân cư thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch kèm theo Nghị quyết này.

Điều 2. Giao Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch và các bộ, ngành liên quan trong phạm vi thẩm quyền có trách nhiệm triển khai thực hiện theo nội dung quy định tại Phương án đơn giản hóa thủ tục hành chính đã được Chính phủ thông qua tại Điều 1 của Nghị quyết này. Lộ trình thực hiện các đề xuất đơn giản hóa thủ tục hành chính, giấy tờ công dân tương ứng với lộ trình xây dựng Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư.

Điều 3. Giao Văn phòng Chính phủ kiểm tra, đôn đốc thực hiện và tổng hợp vướng mắc của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch, các bộ, ngành, địa phương có liên quan để kịp thời báo cáo Thủ tướng Chính phủ trong quá trình thực thi các phương án đơn giản hóa thủ tục hành chính đã được Chính phủ thông qua tại Nghị quyết này.

Điều 4. Nghị quyết này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và các cơ quan liên quan chịu trách nhiệm thi hành Nghị quyết này./.

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- Ủy ban Giám sát tài chính Quốc gia;
- Kiểm toán nhà nước;
- Ngân hàng Chính sách xã hội;
- Ngân hàng Phát triển Việt Nam;
- Ủy ban trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan trung ương của các đoàn thể;
- Các thành viên Hội đồng tư vấn cải cách thủ tục hành chính của TTg;
- Ban Chỉ đạo Đề án 896;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTg, TGĐ Công TTĐT, các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc, Công báo;
- Lưu: VT, KSTT (2b).KN *24*

**TM. CHÍNH PHỦ
THỦ TƯỚNG**



Nguyễn Xuân Phúc

CHÍNH PHỦ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

PHƯƠNG ÁN

**Đơn giản hóa thủ tục hành chính, giấy tờ công dân
liên quan đến quản lý dân cư thuộc phạm vi quản lý nhà nước
của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch**
*(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 78/NQ-CP
ngày 18 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ)*

A. NỘI DUNG PHƯƠNG ÁN ĐƠN GIẢN HÓA

I. LĨNH VỰC LỮ HÀNH

1. Các thủ tục:

- Cấp giấy phép kinh doanh lữ hành quốc tế cho doanh nghiệp kinh doanh lữ hành đối với khách du lịch vào Việt Nam;
- Cấp giấy phép kinh doanh lữ hành quốc tế cho doanh nghiệp kinh doanh lữ hành đối với khách du lịch ra nước ngoài;
- Cấp giấy phép kinh doanh lữ hành quốc tế cho doanh nghiệp kinh doanh lữ hành đối với khách du lịch vào Việt Nam và khách du lịch ra nước ngoài.

Nội dung phương án đơn giản hóa

a) Sửa đổi, bổ sung Đơn đề nghị cấp giấy phép kinh doanh lữ hành quốc tế: Bỏ phần thông tin: Giới tính, ngày sinh, dân tộc, quốc tịch, giấy chứng minh thư nhân dân (hoặc hộ chiếu), ngày cấp, nơi cấp chứng minh thư nhân dân (hoặc hộ chiếu), nơi đăng ký hộ khẩu thường trú, nơi ở hiện tại của người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp; thay bằng: Số định danh cá nhân của người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp.

b) Sửa đổi, bổ sung mẫu Bản kê khai thời gian hoạt động trong lĩnh vực lữ hành của người điều hành hoạt động kinh doanh lữ hành: Bỏ phần thông tin: Ngày sinh, giấy chứng minh thư nhân dân (hoặc hộ chiếu), ngày cấp, nơi cấp chứng minh thư nhân dân (hoặc hộ chiếu), nơi đăng ký hộ khẩu thường trú của người điều hành hoạt động kinh doanh lữ hành của doanh nghiệp; thay bằng: Số định danh cá nhân của người điều hành hoạt động kinh doanh lữ hành của doanh nghiệp.

2. Thủ tục thu hồi giấy phép trong trường hợp doanh nghiệp chấm dứt hoạt động kinh doanh lữ hành quốc tế

Nội dung phương án đơn giản hóa

Sửa đổi, bổ sung Thông báo chấm dứt hoạt động kinh doanh lữ hành quốc tế: Bỏ phần thông tin: Giới tính của người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp; thay bằng: Số định danh cá nhân của người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp.

3. Các thủ tục

- Đổi giấy phép kinh doanh lĩnh vực quốc tế;
- Cấp lại giấy phép kinh doanh lĩnh vực quốc tế.

Nội dung phương án đơn giản hóa

Sửa đổi, bổ sung Đơn đề nghị đổi/cấp lại giấy phép kinh doanh lĩnh vực quốc tế: Bỏ phần thông tin: Giới tính, ngày sinh, dân tộc, quốc tịch, giấy chứng minh thư nhân dân (hoặc hộ chiếu), ngày cấp, nơi cấp chứng minh thư nhân dân (hoặc hộ chiếu), nơi đăng ký hộ khẩu thường trú, nơi ở hiện tại của người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp; thay bằng: Số định danh cá nhân của người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp.

4. Các thủ tục:

- Cấp giấy phép thành lập chi nhánh của doanh nghiệp du lịch nước ngoài tại Việt Nam;
- Cấp giấy phép thành lập văn phòng đại diện của doanh nghiệp du lịch nước ngoài tại Việt Nam.

Nội dung phương án đơn giản hóa

Sửa đổi, bổ sung Đơn đề nghị cấp giấy phép thành lập chi nhánh/văn phòng đại diện:

+ Đối với phần thông tin về người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp: Nếu người đại diện là công dân Việt Nam thì bỏ phần thông tin: Quốc tịch của người đại diện theo pháp luật và thay bằng: Số định danh cá nhân của người đại diện theo pháp luật. Trong trường hợp người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp không phải là công dân Việt Nam thì giữ nguyên thông tin như mẫu đơn.

+ Đối với phần thông tin về người đứng đầu của chi nhánh/văn phòng đại diện: Nếu người đứng đầu chi nhánh/văn phòng đại diện là công dân Việt Nam thì bỏ phần thông tin: Quốc tịch, giới tính, số chứng minh thư nhân dân, ngày cấp, nơi cấp chứng minh thư nhân dân của người đứng đầu chi nhánh/văn phòng đại diện và thay bằng: Số định danh cá nhân của người đứng đầu chi nhánh/văn phòng đại diện. Trong trường hợp người đứng đầu chi nhánh/văn phòng đại diện không phải là công dân Việt Nam thì giữ nguyên thông tin như mẫu đơn.

5. Các thủ tục:

- Sửa đổi, bổ sung giấy phép thành lập chi nhánh của doanh nghiệp du lịch nước ngoài tại Việt Nam;

- Sửa đổi, bổ sung giấy phép thành lập văn phòng đại diện của doanh nghiệp du lịch nước ngoài tại Việt Nam;

- Cấp lại giấy phép thành lập chi nhánh của doanh nghiệp du lịch nước ngoài tại Việt Nam trong các trường hợp:

+ Thay đổi tên gọi hoặc thay đổi nơi đăng ký thành lập của doanh nghiệp du lịch nước ngoài từ một nước sang một nước khác;

+ Thay đổi địa điểm đặt trụ sở của chi nhánh đến một tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương khác;

+ Thay đổi nội dung hoạt động của doanh nghiệp du lịch nước ngoài;

+ Thay đổi địa điểm của doanh nghiệp du lịch nước ngoài trong phạm vi nước nơi doanh nghiệp thành lập.

- Cấp lại giấy phép thành lập văn phòng đại diện của doanh nghiệp du lịch nước ngoài tại Việt Nam trong các trường hợp:

+ Thay đổi tên gọi hoặc thay đổi nơi đăng ký thành lập của doanh nghiệp du lịch nước ngoài từ một nước sang một nước khác;

+ Thay đổi địa điểm đặt trụ sở của văn phòng đại diện đến một tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương khác;

+ Thay đổi nội dung hoạt động của doanh nghiệp du lịch nước ngoài;

+ Thay đổi địa điểm của doanh nghiệp du lịch nước ngoài trong phạm vi nước nơi doanh nghiệp thành lập.

- Cấp lại giấy phép thành lập chi nhánh của doanh nghiệp du lịch nước ngoài tại Việt Nam trong trường hợp giấy phép thành lập chi nhánh bị mất, bị rách nát hoặc bị tiêu hủy;

- Cấp lại giấy phép thành lập văn phòng đại diện của doanh nghiệp du lịch nước ngoài tại Việt Nam trong trường hợp giấy phép thành lập văn phòng đại diện bị mất, bị rách nát hoặc bị tiêu hủy;

- Gia hạn giấy phép thành lập chi nhánh của doanh nghiệp du lịch nước ngoài tại Việt Nam;

- Gia hạn giấy phép thành lập văn phòng đại diện của doanh nghiệp du lịch nước ngoài tại Việt Nam.

Nội dung phương án đơn giản hóa

Sửa đổi, bổ sung Đơn đề nghị gia hạn, sửa đổi, bổ sung, cấp lại giấy phép thành lập chi nhánh/văn phòng đại diện:

+ Đối với phần thông tin về người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp: Nếu người đại diện là công dân Việt Nam thì bỏ phần thông tin: Quốc tịch của người đại diện theo pháp luật và thay bằng: Số định danh cá nhân của người đại diện theo pháp luật. Trong trường hợp người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp không phải là công dân Việt Nam thì giữ nguyên thông tin như mẫu đơn.

+ Đối với phần thông tin về người đứng đầu của chi nhánh/văn phòng đại diện: Nếu người đứng đầu chi nhánh/văn phòng đại diện là công dân Việt Nam thì bỏ phần thông tin: Quốc tịch, giới tính, số chứng minh thư nhân dân, ngày cấp, nơi cấp chứng minh thư nhân dân của người đứng đầu chi nhánh/văn phòng đại diện và thay bằng: Số định danh cá nhân của người đứng đầu chi nhánh/văn phòng đại diện. Trong trường hợp người đứng đầu chi nhánh/văn phòng đại diện không phải là công dân Việt Nam thì giữ nguyên thông tin như mẫu đơn.

6. Các thủ tục:

- Cấp thẻ hướng dẫn viên du lịch quốc tế;
- Cấp thẻ hướng dẫn viên du lịch nội địa;
- Đổi thẻ hướng dẫn viên du lịch;
- Cấp lại thẻ hướng dẫn viên du lịch.

Nội dung phương án đơn giản hóa

Sửa đổi, bổ sung Đơn đề nghị cấp thẻ hướng dẫn viên: Bỏ phần thông tin: Giới tính, ngày sinh, dân tộc, tôn giáo, giấy chứng minh thư nhân dân, nơi cấp chứng minh thư nhân dân, nơi đăng ký hộ khẩu thường trú của người đề nghị cấp thẻ hướng dẫn viên; thay bằng: Số định danh cá nhân của người đề nghị cấp thẻ.

II. LĨNH VỰC KHÁCH SẠN

Các thủ tục:

- Xếp hạng cơ sở lưu trú du lịch: Hạng 3 sao cho khách sạn, làng du lịch;
- Xếp hạng cơ sở lưu trú du lịch: Hạng 4 - 5 sao cho khách sạn, làng du lịch;
- Thẩm định lại, xếp hạng lại hạng cơ sở lưu trú du lịch: Hạng 3 sao cho khách sạn, làng du lịch;

- Thẩm định lại, xếp hạng lại hạng cơ sở lưu trú du lịch: Hạng 4 - 5 sao cho khách sạn, làng du lịch;

- Xếp hạng cơ sở lưu trú du lịch: Hạng cao cấp cho biệt thự du lịch, căn hộ du lịch;

- Thẩm định lại, xếp hạng lại hạng cơ sở lưu trú du lịch: Hạng cao cấp cho biệt thự du lịch, căn hộ du lịch;

- Xếp hạng cơ sở lưu trú du lịch: Hạng 1 sao, 2 sao cho khách sạn, làng du lịch;

- Thẩm định lại, xếp hạng lại hạng cơ sở lưu trú du lịch: Hạng 1 sao, 2 sao cho khách sạn, làng du lịch;

- Xếp hạng cơ sở lưu trú du lịch: Hạng đạt tiêu chuẩn kinh doanh lưu trú du lịch cho biệt thự du lịch, căn hộ du lịch, bãi cắm trại du lịch, nhà nghỉ du lịch, nhà ở có phòng cho khách du lịch thuê, cơ sở lưu trú du lịch khác;

- Thẩm định lại, xếp hạng lại hạng cơ sở lưu trú du lịch: Hạng đạt tiêu chuẩn kinh doanh lưu trú du lịch cho biệt thự du lịch, căn hộ du lịch, bãi cắm trại du lịch, nhà nghỉ du lịch, nhà ở có phòng cho khách du lịch thuê, cơ sở lưu trú du lịch khác

Nội dung phương án đơn giản hóa

Sửa đổi, bổ sung Danh sách người quản lý và nhân viên phục vụ trong cơ sở lưu trú du lịch: Bổ phần thông tin: Giới tính của người quản lý và nhân viên phục vụ trong cơ sở lưu trú du lịch; thay bằng: Số định danh cá nhân của những đối tượng này.

III. LĨNH VỰC THẺ DỤC THỂ THAO

1. Thủ tục công nhận Ban vận động thành lập hội thể thao quốc gia

Nội dung phương án đơn giản hóa

Bỏ mục IV mẫu Đơn đề nghị công nhận Ban vận động thành lập hội tại Thông tư số 03/2013/TT-BNV ngày 16 tháng 4 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ quy định chi tiết thi hành Nghị định số 45/2010/NĐ-CP của Chính phủ quy định tổ chức, hoạt động và quản lý Hội và Nghị định số 33/2012/NĐ-CP ngày 13 tháng 4 năm 2012 sửa đổi, bổ sung Nghị định số 45/2010/NĐ-CP.

2. Thủ tục cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với câu lạc bộ thể thao chuyên nghiệp

Nội dung phương án đơn giản hóa

Sửa đổi, bổ sung mục 3 Mẫu số 04 ban hành kèm theo Thông tư số 16/2014/TT-BVHTTDL ngày 02 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch ban hành một số biểu mẫu thủ tục hành chính

trong lĩnh vực thể dục thể thao như sau: Đối với người đại diện theo pháp luật là công dân Việt Nam, chỉ quy định cung cấp họ và tên, số định danh cá nhân, không quy định các trường thông tin cá nhân có thể khai thác trên Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư.

3. Thủ tục cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao

Nội dung phương án đơn giản hóa

Sửa đổi, bổ sung mục 4 Đơn đề nghị cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao được quy định tại Mẫu số 02 Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 106/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ quy định điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao như sau: Đối với người đại diện theo pháp luật là công dân Việt Nam, chỉ quy định cung cấp họ và tên, số định danh cá nhân, không quy định các trường thông tin cá nhân có thể khai thác trên Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư.

4. Thủ tục cấp lại giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao trong trường hợp thay đổi nội dung ghi trong giấy chứng nhận

Nội dung phương án đơn giản hóa

Sửa đổi, bổ sung mục 3 Đơn đề nghị cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao được quy định tại Mẫu số 04 Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 106/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ quy định điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao như sau: Đối với người đại diện theo pháp luật là công dân Việt Nam, chỉ quy định cung cấp họ và tên, số định danh cá nhân, không quy định các trường thông tin cá nhân có thể khai thác trên Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư.

5. Thủ tục cấp lại giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao trong trường hợp bị mất hoặc hư hỏng

Nội dung phương án đơn giản hóa

Sửa đổi, bổ sung mục 3 Đơn đề nghị cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao được quy định tại Mẫu số 04 Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 106/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ quy định điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao như sau: Đối với người đại diện theo pháp luật là công dân Việt Nam, chỉ quy định cung cấp họ và tên, số định danh cá nhân, không quy định các trường thông tin cá nhân có thể khai thác trên Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư.

6. Thủ tục cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh của doanh nghiệp kinh doanh hoạt động thể thao tổ chức hoạt động billards & snooker

Nội dung phương án đơn giản hóa

Sửa đổi, bổ sung mục 4 Đơn đề nghị cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao được quy định tại Mẫu số 02 Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 106/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ quy định điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao như sau: Đối với người đại diện theo pháp luật là công dân Việt Nam, chỉ quy định cung cấp họ và tên, số định danh cá nhân, không quy định các trường thông tin cá nhân có thể khai thác trên Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư.

7. Thủ tục cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh của doanh nghiệp kinh doanh hoạt động thể thao tổ chức hoạt động thể dục thể hình

Nội dung phương án đơn giản hóa

Sửa đổi, bổ sung mục 4 Đơn đề nghị cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao được quy định tại Mẫu số 02 Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 106/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ quy định điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao như sau: Đối với người đại diện theo pháp luật là công dân Việt Nam, chỉ quy định cung cấp họ và tên, số định danh cá nhân, không quy định các trường thông tin cá nhân có thể khai thác trên Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư.

8. Thủ tục cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh của doanh nghiệp kinh doanh hoạt động thể thao tổ chức hoạt động mô tô nước trên biển

Nội dung phương án đơn giản hóa

Sửa đổi, bổ sung mục 4 Đơn đề nghị cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao được quy định tại Mẫu số 02 Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 106/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ quy định điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao như sau: Đối với người đại diện theo pháp luật là công dân Việt Nam, chỉ quy định cung cấp họ và tên, số định danh cá nhân, không quy định các trường thông tin cá nhân có thể khai thác trên Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư.

9. Thủ tục cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh của doanh nghiệp kinh doanh hoạt động thể thao tổ chức hoạt động võ đạo giải trí

Nội dung phương án đơn giản hóa

Sửa đổi, bổ sung mục 4 Đơn đề nghị cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao được quy định tại Mẫu số 02 Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 106/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ quy định điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao như sau: Đối với

người đại diện theo pháp luật là công dân Việt Nam, chỉ quy định cung cấp họ và tên, số định danh cá nhân, không quy định các trường thông tin cá nhân có thể khai thác trên Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư.

10. Thủ tục cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh của doanh nghiệp kinh doanh hoạt động thể thao tổ chức hoạt động bơi, lặn

Nội dung phương án đơn giản hóa

Sửa đổi, bổ sung mục 4 Đơn đề nghị cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao được quy định tại Mẫu số 02 Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 106/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ quy định điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao như sau: Đối với người đại diện theo pháp luật là công dân Việt Nam, chỉ quy định cung cấp họ và tên, số định danh cá nhân, không quy định các trường thông tin cá nhân có thể khai thác trên Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư.

11. Thủ tục cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh của doanh nghiệp kinh doanh hoạt động thể thao tổ chức hoạt động khiêu vũ thể thao

Nội dung phương án đơn giản hóa

Sửa đổi, bổ sung mục 4 Đơn đề nghị cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao được quy định tại Mẫu số 02 Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 106/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ quy định điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao như sau: Đối với người đại diện theo pháp luật là công dân Việt Nam, chỉ quy định cung cấp họ và tên, số định danh cá nhân, không quy định các trường thông tin cá nhân có thể khai thác trên Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư.

12. Thủ tục cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh của doanh nghiệp kinh doanh hoạt động thể thao tổ chức hoạt động môn võ cổ truyền và vovinam

Nội dung phương án đơn giản hóa

Sửa đổi, bổ sung mục 4 Đơn đề nghị cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao được quy định tại Mẫu số 02 Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 106/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ quy định điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao như sau: Đối với người đại diện theo pháp luật là công dân Việt Nam, chỉ quy định cung cấp họ và tên, số định danh cá nhân, không quy định các trường thông tin cá nhân có thể khai thác trên Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư.

13. Thủ tục cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh của doanh nghiệp kinh doanh hoạt động thể thao tổ chức hoạt động quần vợt

Nội dung phương án đơn giản hóa

Sửa đổi, bổ sung mục 4 Đơn đề nghị cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao được quy định tại Mẫu số 02 Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 106/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ quy định điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao như sau: Đối với người đại diện theo pháp luật là công dân Việt Nam, chỉ quy định cung cấp họ và tên, số định danh cá nhân, không quy định các trường thông tin cá nhân có thể khai thác trên Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư.

14. Thủ tục cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh của doanh nghiệp kinh doanh hoạt động thể thao tổ chức hoạt động thể dục thẩm mỹ

Nội dung phương án đơn giản hóa

Sửa đổi, bổ sung mục 4 Đơn đề nghị cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao được quy định tại Mẫu số 02 Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 106/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ quy định điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao như sau: Đối với người đại diện theo pháp luật là công dân Việt Nam, chỉ quy định cung cấp họ và tên, số định danh cá nhân, không quy định các trường thông tin cá nhân có thể khai thác trên Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư.

15. Thủ tục cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh của doanh nghiệp kinh doanh hoạt động thể thao tổ chức hoạt động dù lượn và điều bay động cơ

Nội dung phương án đơn giản hóa

Sửa đổi, bổ sung mục 4 Đơn đề nghị cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao được quy định tại Mẫu số 02 Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 106/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ quy định điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao như sau: Đối với người đại diện theo pháp luật là công dân Việt Nam, chỉ quy định cung cấp họ và tên, số định danh cá nhân, không quy định các trường thông tin cá nhân có thể khai thác trên Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư.

16. Thủ tục cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh của doanh nghiệp kinh doanh hoạt động thể thao tổ chức hoạt động tập luyện quyền anh

Nội dung phương án đơn giản hóa

Sửa đổi, bổ sung mục 4 Đơn đề nghị cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao được quy định tại Mẫu số 02 Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 106/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của

Chính phủ quy định điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao như sau: Đối với người đại diện theo pháp luật là công dân Việt Nam, chỉ quy định cung cấp họ và tên, số định danh cá nhân, không quy định các trường thông tin cá nhân có thể khai thác trên Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư.

17. Thủ tục cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh của doanh nghiệp kinh doanh hoạt động thể thao tổ chức hoạt động Taekwondo

Nội dung phương án đơn giản hóa

Sửa đổi, bổ sung mục 4 Đơn đề nghị cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao được quy định tại Mẫu số 02 Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 106/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ quy định điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao như sau: Đối với người đại diện theo pháp luật là công dân Việt Nam, chỉ quy định cung cấp họ và tên, số định danh cá nhân, không quy định các trường thông tin cá nhân có thể khai thác trên Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư.

18. Thủ tục cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh của doanh nghiệp kinh doanh hoạt động thể thao tổ chức hoạt động Bắn súng thể thao

Nội dung phương án đơn giản hóa

Sửa đổi, bổ sung mục 4 Đơn đề nghị cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao được quy định tại Mẫu số 02 Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 106/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ quy định điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao như sau: Đối với người đại diện theo pháp luật là công dân Việt Nam, chỉ quy định cung cấp họ và tên, số định danh cá nhân, không quy định các trường thông tin cá nhân có thể khai thác trên Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư.

19. Thủ tục cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh của doanh nghiệp kinh doanh hoạt động thể thao tổ chức hoạt động Karatedo

Nội dung phương án đơn giản hóa

Sửa đổi, bổ sung mục 4 Đơn đề nghị cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao được quy định tại Mẫu số 02 Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 106/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ quy định điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao như sau: Đối với người đại diện theo pháp luật là công dân Việt Nam, chỉ quy định cung cấp họ và tên, số định danh cá nhân, không quy định các trường thông tin cá nhân có thể khai thác trên Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư.

20. Thủ tục cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh của doanh nghiệp kinh doanh hoạt động thể thao tổ chức hoạt động Lân Sư Rồng

Nội dung phương án đơn giản hóa

Sửa đổi, bổ sung mục 4 Đơn đề nghị cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao được quy định tại Mẫu số 02 Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 106/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ quy định điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao như sau: Đối với người đại diện theo pháp luật là công dân Việt Nam, chỉ quy định cung cấp họ và tên, số định danh cá nhân, không quy định các trường thông tin cá nhân có thể khai thác trên Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư.

21. Thủ tục cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh của doanh nghiệp kinh doanh hoạt động thể thao tổ chức hoạt động Judo

Nội dung phương án đơn giản hóa

Sửa đổi, bổ sung mục 4 Đơn đề nghị cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao được quy định tại Mẫu số 02 Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 106/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ quy định điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao như sau: Đối với người đại diện theo pháp luật là công dân Việt Nam, chỉ quy định cung cấp họ và tên, số định danh cá nhân, không quy định các trường thông tin cá nhân có thể khai thác trên Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư.

22. Thủ tục cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh của doanh nghiệp kinh doanh hoạt động thể thao tổ chức hoạt động Bóng đá

Nội dung phương án đơn giản hóa

Sửa đổi, bổ sung mục 4 Đơn đề nghị cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao được quy định tại Mẫu số 02 Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 106/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ quy định điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao như sau: Đối với người đại diện theo pháp luật là công dân Việt Nam, chỉ quy định cung cấp họ và tên, số định danh cá nhân, không quy định các trường thông tin cá nhân có thể khai thác trên Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư.

23. Thủ tục cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh của doanh nghiệp kinh doanh hoạt động thể thao tổ chức hoạt động Bóng bàn

Nội dung phương án đơn giản hóa

Sửa đổi, bổ sung mục 4 Đơn đề nghị cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao được quy định tại Mẫu số 02 Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 106/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ quy định điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao như sau: Đối với

người đại diện theo pháp luật là công dân Việt Nam, chỉ quy định cung cấp họ và tên, số định danh cá nhân, không quy định các trường thông tin cá nhân có thể khai thác trên Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư.

24. Thủ tục cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh của doanh nghiệp kinh doanh hoạt động thể thao tổ chức hoạt động Cầu lông

Nội dung phương án đơn giản hóa

Sửa đổi, bổ sung mục 4 Đơn đề nghị cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao được quy định tại Mẫu số 02 Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 106/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ quy định điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao như sau: Đối với người đại diện theo pháp luật là công dân Việt Nam, chỉ quy định cung cấp họ và tên, số định danh cá nhân, không quy định các trường thông tin cá nhân có thể khai thác trên Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư.

25. Thủ tục cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh của doanh nghiệp kinh doanh hoạt động thể thao tổ chức hoạt động Patin

Nội dung phương án đơn giản hóa

Sửa đổi, bổ sung mục 4 Đơn đề nghị cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao được quy định tại Mẫu số 02 Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 106/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ quy định điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao như sau: Đối với người đại diện theo pháp luật là công dân Việt Nam, chỉ quy định cung cấp họ và tên, số định danh cá nhân, không quy định các trường thông tin cá nhân có thể khai thác trên Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư.

IV. LĨNH VỰC BẢN QUYỀN TÁC GIẢ

1. Các thủ tục:

- Cấp giấy chứng nhận đăng ký quyền tác giả cho cá nhân, tổ chức Việt Nam;

- Cấp giấy chứng nhận đăng ký quyền liên quan cho cá nhân, tổ chức Việt Nam;

- Cấp giấy chứng nhận đăng ký quyền tác giả cho cá nhân, pháp nhân nước ngoài;

- Cấp giấy chứng nhận đăng ký quyền liên quan cho cá nhân, pháp nhân nước ngoài;

- Cấp lại, đổi giấy chứng nhận đăng ký quyền tác giả;

- Cấp lại, đổi giấy chứng nhận đăng ký quyền liên quan.

Nội dung phương án đơn giản hóa

Sửa đổi, bổ sung Tờ khai Đăng ký quyền liên quan ban hành kèm theo Thông tư số 08/2016/TT-BVHTTDL ngày 02 tháng 7 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định các biểu mẫu trong hoạt động đăng ký quyền tác giả, quyền liên quan. Thay bằng: Sổ định danh cá nhân của cá nhân đăng ký quyền tác giả, quyền liên quan.

2. Thủ tục cấp thẻ giám định viên quyền tác giả, quyền liên quan

Nội dung phương án đơn giản hóa

a) Bỏ quy định nộp “Bản sao giấy chứng minh nhân dân” tại điểm c Điều 7 Thông tư số 15/2012/TT-BVHTDL ngày 13 tháng 12 năm 2012.

b) Sửa đổi, bổ sung Phụ lục số 1 Tờ khai yêu cầu cấp/cấp lại thẻ Giám định viên quyền tác giả, quyền liên quan ban hành kèm theo Thông tư số 15/2012/TT-BVHTDL ngày 13 tháng 12 năm 2012, cụ thể: Bỏ mục địa chỉ của cá nhân yêu cầu cấp lại thẻ Giám định viên quyền tác giả, quyền liên quan; thay bằng: Số định danh cá nhân của cá nhân yêu cầu cấp lại thẻ Giám định viên.

Bỏ quy định nộp văn bản đề nghị cấp lại Thẻ Giám định viên quyền tác giả, quyền liên quan, đưa gộp vào Tờ khai yêu cầu cấp lại thẻ Giám định viên quyền tác giả, quyền liên quan.

Trong nội dung số 4 các tài liệu có trong hồ sơ: Bỏ bản sao giấy chứng minh nhân dân.

3. Thủ tục cấp lại thẻ giám định viên quyền tác giả, quyền liên quan

Nội dung phương án đơn giản hóa

a) Bỏ quy định nộp “Bản sao giấy chứng minh nhân dân” tại điểm c Điều 7 Thông tư số 15/2012/TT-BVHTDL ngày 13 tháng 12 năm 2012.

b) Bỏ văn bản yêu cầu cấp lại thẻ giám định viên, đưa các thông tin tại văn bản này vào Tờ khai yêu cầu cấp/cấp lại Thẻ giám định viên. Sửa đổi, bổ sung Mẫu Tờ khai yêu cầu cấp/cấp lại Thẻ giám định viên quyền tác giả, quyền liên quan ban hành kèm theo Thông tư số 15/2012/TT-BVHTDL ngày 13 tháng 12 năm 2012, cụ thể: Bỏ mục địa chỉ của cá nhân yêu cầu cấp lại thẻ Giám định viên quyền tác giả, quyền liên quan; thay bằng: Số định danh cá nhân của cá nhân yêu cầu cấp lại thẻ Giám định viên.

4. Thủ tục cấp bản đạt yêu cầu kiểm tra nghiệp vụ giám định quyền tác giả, quyền liên quan

Nội dung phương án đơn giản hóa

Sửa đổi, bổ sung Mẫu Tờ khai đăng ký kiểm tra nghiệp vụ giám định quyền tác giả, quyền liên quan ban hành kèm theo Thông tư số 15/2012/TT-BVHTDL ngày 13 tháng 12 năm 2012, cụ thể: Bỏ mục 1 trong tờ khai gồm các thông tin: Năm sinh, số chứng minh nhân dân, cấp ngày, nơi sinh; thay bằng: Số định danh cá nhân của cá nhân đăng ký kiểm tra nghiệp vụ giám định quyền tác giả, quyền liên quan.

V. LĨNH VỰC DI SẢN VĂN HÓA

1. Thủ tục cấp chứng chỉ hành nghề tu bổ di tích

Nội dung phương án đơn giản hóa

Sửa đổi, bổ sung mục 1 Đơn đề nghị cấp Chứng chỉ hành nghề bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích tại Mẫu số 05 Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 61/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ quy định điều kiện kinh doanh giám định cổ vật và hành nghề bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh như sau: Chỉ quy định cung cấp họ và tên, số định danh cá nhân, không quy định các trường thông tin cá nhân có thể khai thác trên Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư.

2. Thủ tục cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện hành nghề tu bổ di tích

Nội dung phương án đơn giản hóa

Sửa đổi, bổ sung mục 2 Đơn đề nghị cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện hành nghề bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích tại Mẫu số 08 Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 61/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ quy định điều kiện kinh doanh giám định cổ vật và hành nghề bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh như sau: Chỉ quy định cung cấp họ và tên, số định danh cá nhân, không quy định các trường thông tin cá nhân có thể khai thác trên Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư.

3. Thủ tục đăng ký di vật, cổ vật, bảo vật quốc gia

Nội dung phương án đơn giản hóa

Sửa đổi, bổ sung Đơn xin đăng ký di vật, cổ vật và bảo vật quốc gia tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Thông tư số 07/2004/TT-BVHTT ngày 19 tháng 02 năm 2004 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa - Thông tin hướng dẫn trình tự, thủ tục đăng ký di vật, cổ vật, bảo vật quốc gia như sau: Bỏ nội dung địa chỉ (nơi đăng ký hộ khẩu thường trú; nơi đang cư trú); thay bằng: Số định danh cá nhân.

4. Thủ tục cấp giấy phép mang di vật, cổ vật không thuộc sở hữu nhà nước, sở hữu của tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội ra nước ngoài

Nội dung phương án đơn giản hóa

Sửa đổi, bổ sung Đơn đề nghị cấp giấy phép mang di vật, cổ vật ra nước ngoài tại Phụ lục III ban hành kèm theo Nghị định số 01/2012/NĐ-CP ngày 04 tháng 01 năm 2012 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung, thay thế hoặc bãi bỏ, hủy bỏ các quy định có liên quan đến thủ tục hành chính thuộc chức năng quản lý của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch như sau: Bỏ các nội dung ngày tháng năm sinh, nơi sinh, chứng minh thư nhân dân, địa chỉ; thay bằng: Số định danh cá nhân.

5. Thủ tục xác nhận đủ điều kiện được cấp giấy phép hoạt động bảo tàng ngoài công lập

Nội dung phương án đơn giản hóa

Sửa đổi, bổ sung Đơn đề nghị xác nhận đủ điều kiện được cấp giấy phép hoạt động bảo tàng ngoài công lập tại Phụ lục V ban hành kèm theo Nghị định số 01/2012/NĐ-CP ngày 04 tháng 01 năm 2012 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung, thay thế hoặc bãi bỏ, hủy bỏ các quy định có liên quan đến thủ tục hành chính thuộc chức năng quản lý của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch như sau: Bỏ các nội dung ngày tháng năm sinh, nơi sinh, chứng minh thư nhân dân, quốc tịch, địa chỉ; quốc tịch tại mục 2 (đối với cá nhân là người Việt Nam có thẻ căn cước công dân); thay bằng: Số định danh cá nhân.

6. Thủ tục cấp giấy phép hoạt động bảo tàng ngoài công lập

Nội dung phương án đơn giản hóa

Sửa đổi, bổ sung Đơn đề nghị cấp giấy phép hoạt động bảo tàng ngoài công lập tại Phụ lục VII ban hành kèm theo Nghị định số 01/2012/NĐ-CP ngày 04 tháng 01 năm 2012 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung, thay thế hoặc bãi bỏ, hủy bỏ các quy định có liên quan đến thủ tục hành chính thuộc chức năng quản lý của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch như sau: Bỏ các nội dung ngày tháng năm sinh, nơi sinh, quốc tịch, chứng minh thư nhân dân, địa chỉ tại mục 1; quốc tịch tại mục 2 (đối với cá nhân là người Việt Nam có thẻ căn cước công dân); thay bằng: Số định danh cá nhân.

7. Thủ tục cấp chứng chỉ hành nghề mua bán di vật, cổ vật, bảo vật quốc gia

Nội dung phương án đơn giản hóa

a) Sửa đổi, bổ sung Đơn đề nghị cấp chứng chỉ hành nghề mua bán di vật, cổ vật, bảo vật quốc gia tại Phụ lục IV ban hành kèm theo Nghị định số 01/2012/NĐ-CP ngày 04 tháng 01 năm 2012 của Chính phủ sửa đổi, bổ

sung, thay thế hoặc bãi bỏ, hủy bỏ các quy định có liên quan đến thủ tục hành chính thuộc chức năng quản lý của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch như sau: Bỏ các nội dung ngày tháng năm sinh, nơi sinh, chứng minh thư nhân dân, địa chỉ; thay bằng: Số định danh cá nhân.

b) Bãi bỏ thành phần hồ sơ: Sơ yếu lý lịch có xác nhận của Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn nơi cư trú quy định tại điểm b khoản 4 Điều 2 Nghị định số 01/2012/NĐ-CP ngày 04 tháng 01 năm 2012.

8. Thủ tục công nhận bảo vật quốc gia đối với bảo tàng ngoài công lập, tổ chức, cá nhân là chủ sở hữu hoặc đang quản lý hợp pháp hiện vật

Nội dung phương án đơn giản hóa

Sửa đổi, bổ sung Đơn đề nghị thẩm định và làm thủ tục đề nghị công nhận bảo vật quốc gia tại Mẫu số 2b ban hành kèm theo Thông tư số 13/2010/TT-BVHTTDL ngày 30 tháng 12 năm 2010 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định về trình tự, thủ tục đề nghị công nhận bảo vật quốc gia như sau: Bỏ các nội dung địa chỉ, số chứng minh thư; thay bằng: Số định danh cá nhân.

9. Thủ tục cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh giám định cổ vật

Nội dung phương án đơn giản hóa

Sửa đổi, bổ sung Đơn đăng ký và đề nghị cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh giám định cổ vật tại Mẫu số 01 ban hành kèm theo Nghị định số 61/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ quy định điều kiện kinh doanh giám định cổ vật và hành nghề bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh như sau: Bỏ các nội dung địa chỉ tại mục 1; năm sinh, giấy chứng minh nhân dân tại mục 2; thay bằng: Số định danh cá nhân.

VI. LĨNH VỰC ĐIỆN ẢNH

1. Thủ tục cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh sản xuất phim

Nội dung phương án đơn giản hóa

Sửa đổi, bổ sung Đơn đề nghị cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh sản xuất phim quy định tại khoản 1 Điều 2 Thông tư số 11/2011/TT-BVHTTDL ngày 19 tháng 9 năm 2011 hướng dẫn thực hiện một số quy định liên quan đến thủ tục hành chính trong lĩnh vực điện ảnh như sau: Bỏ phần thông tin: Ngày tháng năm sinh, Dân tộc, Quốc tịch, Hộ khẩu thường trú, Chỗ ở hiện nay, Số chứng minh nhân dân (Hộ chiếu), Ngày cấp, Nơi cấp của Giám đốc (Người đại diện theo pháp luật); thay bằng: Số định danh cá nhân của Giám đốc (Người đại diện theo pháp luật).

2. Thủ tục cho phép thành lập Văn phòng đại diện cơ sở điện ảnh Việt Nam tại nước ngoài

Nội dung phương án đơn giản hóa

Sửa đổi Đơn đề nghị cho phép thành lập Văn phòng đại diện cơ sở điện ảnh Việt Nam tại nước ngoài tại khoản 1 Điều 7 Thông tư số 11/2011/TT-BVHTTDL ngày 19 tháng 9 năm 2011 hướng dẫn thực hiện một số quy định liên quan đến thủ tục hành chính trong lĩnh vực điện ảnh như sau: Bỏ phần thông tin: Quốc tịch của người đại diện theo pháp luật (đại diện có thẩm quyền); thay bằng: Số định danh cá nhân của người đại diện theo pháp luật.

VII. LĨNH VỰC MỸ THUẬT, NHIẾP ẢNH VÀ TRIỂN LÃM

1. Các thủ tục:

- Cấp giấy phép triển lãm mỹ thuật (thẩm quyền của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch);

- Cấp giấy phép triển lãm mỹ thuật (thẩm quyền của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch).

Nội dung phương án đơn giản hóa

Sửa đổi bổ sung Đơn đề nghị cấp phép triển lãm mỹ thuật tại Việt Nam, Đơn đề nghị cấp giấy phép triển lãm mỹ thuật từ Việt Nam ra nước ngoài tại Mẫu số 01, 02 Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 113/2013/NĐ-CP ngày 02 tháng 10 năm 2013 như sau: Bổ sung: Số định danh cá nhân (đối với cá nhân đề nghị).

2. Các thủ tục:

- Cấp phép tổ chức trại sáng tác điêu khắc (thẩm quyền của Cục Mỹ thuật, Nhiếp ảnh và Triển lãm);

- Cấp phép tổ chức trại sáng tác điêu khắc (thẩm quyền của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch).

Nội dung phương án đơn giản hóa

Sửa đổi, bổ sung Đơn đề nghị cấp giấy phép tổ chức trại sáng tác điêu khắc tại Mẫu số 09 Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 113/2013/NĐ-CP ngày 02 tháng 10 năm 2013 như sau: Bổ sung số định danh cá nhân (đối với cá nhân đề nghị).

3. Các thủ tục:

- Phê duyệt nội dung tác phẩm tạo hình, mỹ thuật ứng dụng, tác phẩm nhiếp ảnh nhập khẩu (thẩm quyền của Cục Mỹ thuật, Nhiếp ảnh và Triển lãm);

- Phê duyệt nội dung tác phẩm tạo hình, mỹ thuật ứng dụng, tác phẩm nhiếp ảnh nhập khẩu (thẩm quyền của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch).

Nội dung phương án đơn giản hóa

Sửa đổi, bổ sung Đơn đề nghị phê duyệt nội dung tác phẩm tạo hình, mỹ thuật ứng dụng, tác phẩm nhiếp ảnh nhập khẩu tại Mẫu 02 Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư số 28/2014/TT-BVHTTDL ngày 31 tháng 12 năm 2014 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch như sau: Bổ sung số định danh cá nhân (đối với cá nhân đề nghị).

4. Thủ tục cấp giấy phép sao chép tác phẩm mỹ thuật về danh nhân văn hóa, anh hùng dân tộc, lãnh tụ

Nội dung phương án đơn giản hóa

Sửa đổi, bổ sung Đơn đề nghị cấp giấy phép sao chép tranh, tượng danh nhân văn hóa, anh hùng dân tộc, lãnh tụ tại Mẫu số 5 Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 113/2013/NĐ-CP ngày 02 tháng 10 năm 2013 như sau: Bổ sung số định danh cá nhân (đối với cá nhân đề nghị).

5. Thủ tục cấp giấy phép xây dựng tượng đài, tranh hoành tráng

Nội dung phương án đơn giản hóa

Sửa đổi, bổ sung Đơn đề nghị cấp giấy phép xây dựng tượng đài, tranh hoành tráng tại Mẫu số 07 Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 113/2013/NĐ-CP ngày 02 tháng 10 năm 2013 như sau: Bổ sung số định danh cá nhân (đối với cá nhân đề nghị).

6. Thủ tục cấp phép tổ chức trại sáng tác điêu khắc (thẩm quyền của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch)

Nội dung phương án đơn giản hóa

Sửa đổi, bổ sung Mẫu số 09 Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 113/2013/NĐ-CP ngày 02 tháng 10 năm 2013 như sau: Bổ sung số định danh cá nhân (đối với cá nhân đề nghị).

VIII. LĨNH VỰC VĂN HOÁ CƠ SỞ

1. Các thủ tục:

- Cấp giấy phép kinh doanh karaoke (do Sở văn hóa, Thể thao và Du lịch cấp);

- Cấp giấy phép kinh doanh karaoke (do cơ quan cấp giấy phép kinh doanh cấp huyện cấp).

Nội dung phương án đơn giản hóa

Sửa đổi, bổ sung Đơn đề nghị cấp giấy phép kinh doanh tại Mẫu 3 Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư số 05/2012/TT-BVHTTDL ngày 02 tháng 5 năm 2012 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 04/2009/TT-BVHTTDL, Thông tư số 07/2011/TT-BVHTTDL, Quyết định số 55/1999/QĐ-BVHTT: Đối với cá nhân, chỉ quy định cung cấp họ và tên, số định danh cá nhân, nơi ở hiện nay, không quy định các trường thông tin cá nhân có thể khai thác trên Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư.

2. Thủ tục cấp giấy phép kinh doanh vũ trường

Nội dung phương án đơn giản hóa

Sửa đổi, bổ sung mục 2 Đơn đề nghị cấp giấy phép kinh doanh tại Mẫu 3 Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư số 05/2012/TT-BVHTTDL ngày 02 tháng 5 năm 2012 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 04/2009/TT-BVHTTDL, Thông tư số 07/2011/TT-BVHTTDL, Quyết định số 55/1999/QĐ-BVHTT: Chỉ quy định cung cấp họ và tên, số định danh cá nhân, nơi ở hiện nay, không quy định các trường thông tin cá nhân có thể khai thác trên Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư.

3. Thủ tục cấp giấy phép thành lập Văn phòng đại diện của doanh nghiệp quảng cáo nước ngoài tại Việt Nam

Nội dung phương án đơn giản hóa

Sửa đổi, bổ sung nội dung người đứng đầu Văn phòng đại diện trong mẫu Đơn đề nghị cấp giấy phép thành lập Văn phòng đại diện của doanh nghiệp quảng cáo nước ngoài tại Việt Nam quy định tại mẫu số 6 ban hành kèm theo Thông tư số 10/2013/TT-BVHTTDL ngày 06 tháng 12 năm 2013. Thay bằng: Họ và tên, số định danh cá nhân.

4. Thủ tục cấp lại giấy phép thành lập Văn phòng đại diện của doanh nghiệp quảng cáo nước ngoài tại Việt Nam

Nội dung phương án đơn giản hóa

Sửa đổi, bổ sung nội dung người đứng đầu Văn phòng đại diện trong mẫu Đơn đề nghị cấp giấy phép thành lập Văn phòng đại diện của doanh nghiệp quảng cáo nước ngoài tại Việt Nam quy định tại mẫu số 9 ban hành kèm theo Thông tư số 10/2013/TT-BVHTTDL ngày 06 tháng 12 năm 2013. Thay bằng: Họ và tên, số định danh cá nhân.

5. Thủ tục cấp sửa đổi, bổ sung giấy phép thành lập Văn phòng đại diện của doanh nghiệp quảng cáo nước ngoài tại Việt Nam

Nội dung phương án đơn giản hóa

Sửa đổi, bổ sung nội dung người đứng đầu Văn phòng đại diện trong mẫu Đơn đề nghị cấp giấy phép thành lập Văn phòng đại diện của doanh nghiệp quảng cáo nước ngoài tại Việt Nam quy định tại mẫu số 8 ban hành kèm theo Thông tư số 10/2013/TT-BVHTTDL ngày 06 tháng 12 năm 2013. Thay bằng: Họ và tên, số định danh cá nhân.

6. Thủ tục tiếp nhận hồ sơ thông báo sản phẩm quảng cáo trên bảng quảng cáo, băng-rôn

Nội dung phương án đơn giản hóa

Sửa đổi, bổ sung mẫu Thông báo sản phẩm quảng cáo trên bảng quảng cáo, băng-rôn tại Mẫu số 5 ban hành kèm theo Thông tư số 10/2013/TT-BVHTTDL ngày 06 tháng 12 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định chi tiết và hướng dẫn thực hiện một số điều của Luật Quảng cáo và Nghị định số 181/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Quảng cáo như sau: Đối với đối tượng thực hiện là cá nhân, chỉ quy định cung cấp họ và tên, số định danh cá nhân, không quy định các trường thông tin cá nhân có thể khai thác trên Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư.

IX. LĨNH VỰC THƯ VIỆN

Các thủ tục:

- Đăng ký hoạt động có vốn sách ban đầu từ 500 bản đến dưới 1.000 bản (thẩm quyền cấp xã);

- Đăng ký hoạt động có vốn sách ban đầu từ 1000 bản đến dưới 2.000 bản (thẩm quyền cấp huyện);

- Đăng ký hoạt động có vốn sách ban đầu từ 2.000 bản trở lên (thẩm quyền cấp tỉnh).

Nội dung phương án đơn giản hóa

1. Bãi bỏ thành phần hồ sơ là Sơ yếu lý lịch của người đứng tên thành lập thư viện có xác nhận của Ủy ban nhân dân cấp xã nơi cư trú quy định tại điểm c khoản 1 Điều 6 Nghị định số 02/2009/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2009.

2. Sửa đổi, bổ sung mẫu Đơn đăng ký hoạt động thư viện tư nhân có phục vụ cộng đồng quy định tại Mẫu số 1 Phụ lục ban hành theo Nghị định số 02/2009/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2009. Sửa đổi các nội dung:

Tên tôi là:

- Sinh ngày/tháng/năm:

- Nam (nữ):

- Trình độ văn hóa:

- Trình độ chuyên môn:

- Hộ khẩu thường trú:

Thay bằng: Họ và tên, số định danh cá nhân.

X. LĨNH VỰC GIA ĐÌNH

1. Các thủ tục:

- Cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động của cơ sở hỗ trợ nạn nhân bạo lực gia đình (thẩm quyền của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh);

- Cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động của cơ sở hỗ trợ nạn nhân bạo lực gia đình (thẩm quyền của Ủy ban nhân dân cấp huyện).

Nội dung phương án đơn giản hóa

Sửa đổi, bổ sung mẫu Đơn đăng ký hoạt động của cơ sở hỗ trợ nạn nhân bạo lực gia đình tại Mẫu số M4b ban hành kèm theo Thông tư số 02/2010/TT-BVHTTD. Thay các yêu cầu cung cấp thông tin cá nhân: Họ và tên, số định danh cá nhân.

2. Các thủ tục:

- Cấp lại giấy chứng nhận đăng ký hoạt động của cơ sở hỗ trợ nạn nhân bạo lực gia đình (thẩm quyền của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh);

- Cấp lại giấy chứng nhận đăng ký hoạt động của cơ sở hỗ trợ nạn nhân bạo lực gia đình (thẩm quyền của Ủy ban nhân dân cấp huyện).

Nội dung phương án đơn giản hóa

Sửa đổi, bổ sung Đơn đề nghị cấp lại giấy chứng nhận đăng ký hoạt động của cơ sở hỗ trợ nạn nhân bạo lực gia đình tại Mẫu số M8b Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư số 23/2014/TT-BVHTTDL. Sửa đổi, bổ sung các nội dung liên quan đến yêu cầu điền thông tin cá nhân, thay bằng: Họ và tên, số định danh cá nhân.

3. Các thủ tục:

- Đòi giấy chứng nhận đăng ký hoạt động của cơ sở hỗ trợ nạn nhân bạo lực gia đình (thẩm quyền của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh);

- Đòi giấy chứng nhận đăng ký hoạt động của cơ sở hỗ trợ nạn nhân bạo lực gia đình (thẩm quyền của Ủy ban nhân dân cấp huyện).

Nội dung phương án đơn giản hóa

Sửa đổi, bổ sung các nội dung liên quan đến công dân, thay bằng: Họ và tên, số định danh cá nhân hoặc số chứng minh nhân dân quy định tại Mẫu số M8b1 Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư số 23/2014/TT-BVHTTDL.

4. Các thủ tục:

- Cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động của cơ sở tư vấn về phòng, chống bạo lực gia đình (thẩm quyền của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh);

- Cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động của cơ sở tư vấn về phòng, chống bạo lực gia đình (thẩm quyền của Ủy ban nhân dân cấp huyện).

Nội dung phương án đơn giản hóa

Sửa đổi, bổ sung mẫu Đơn đăng ký hoạt động của cơ sở hỗ trợ nạn nhân bạo lực gia đình (theo Mẫu số M4a ban hành kèm theo Thông tư số 02/2010/TT-BVHTTDL. Thay các yêu cầu cung cấp thông tin cá nhân: Họ và tên, số định danh cá nhân.

5. Các thủ tục:

- Cấp lại giấy chứng nhận đăng ký hoạt động của cơ sở tư vấn về phòng, chống bạo lực gia đình (thẩm quyền của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh);

- Cấp lại giấy chứng nhận đăng ký hoạt động của cơ sở tư vấn về phòng, chống bạo lực gia đình (thẩm quyền của Ủy ban nhân dân cấp huyện).

Nội dung phương án đơn giản hóa

Bỏ phần kê khai về năm sinh, hộ khẩu thường trú, quốc tịch của công dân trong Mẫu đơn số M8a ban hành kèm theo Thông tư số 23/2014/TT-BVHTTDL. Thay bằng: Họ và tên, số định danh cá nhân.

6. Các thủ tục:

- Đòi giấy chứng nhận đăng ký hoạt động của cơ sở tư vấn về phòng, chống bạo lực gia đình (thẩm quyền của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh);

- Đổi giấy chứng nhận đăng ký hoạt động của cơ sở tư vấn về phòng, chống bạo lực gia đình (thẩm quyền của Ủy ban nhân dân cấp huyện).

Nội dung phương án đơn giản hóa

Sửa đổi, bổ sung mẫu Đơn đề nghị đổi giấy chứng nhận đăng ký hoạt động của cơ sở tư vấn về phòng, chống bạo lực gia đình tại Mẫu số M8a1 ban hành kèm theo Thông tư số 23/2014/TT-BVHTTDL. Bổ phần kê khai về năm sinh, hộ khẩu thường trú, quốc tịch của công dân. Thay bằng: Họ và tên, số định danh cá nhân.

7. Các thủ tục

- Cấp giấy chứng nhận nghiệp vụ về chăm sóc nạn nhân bạo lực gia đình;
- Cấp giấy chứng nhận nghiệp vụ tư vấn về phòng, chống bạo lực gia đình.

Nội dung phương án đơn giản hóa

Sửa đổi, bổ sung đơn, bổ phần kê khai về năm sinh, hộ khẩu thường trú, quốc tịch của công dân. Thay bằng: Họ và tên, số định danh cá nhân.

8. Thủ tục cấp Thẻ nhân viên chăm sóc nạn nhân bạo lực gia đình

Nội dung phương án đơn giản hóa

Sửa đổi, bổ sung mẫu Đơn đề nghị cấp Thẻ nhân viên chăm sóc Mẫu số M9a Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư số 23/2014/TT-BVHTTDL. Bổ phần kê khai về năm sinh, hộ khẩu thường trú, quốc tịch của công dân. Thay bằng: Họ và tên, số định danh cá nhân.

9. Thủ tục cấp lại Thẻ nhân viên chăm sóc nạn nhân bạo lực gia đình

Nội dung phương án đơn giản hóa

Sửa đổi, bổ sung Đơn đề nghị cấp lại Thẻ nhân viên chăm sóc tại Mẫu số M9a1 Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư số 23/2014/TT-BVHTTDL. Bổ phần kê khai về năm sinh, hộ khẩu thường trú, quốc tịch của công dân. Thay bằng: Họ và tên, số định danh cá nhân.

10. Thủ tục cấp Thẻ nhân viên tư vấn phòng, chống bạo lực gia đình

Nội dung phương án đơn giản hóa

Sửa đổi, bổ sung mẫu Đơn đề nghị cấp Thẻ nhân viên tư vấn Mẫu số M9b Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư số 23/2014/TT-BVHTTDL. Bổ phần kê khai về năm sinh, hộ khẩu thường trú, quốc tịch của công dân. Thay bằng: Họ và tên, số định danh cá nhân.

11. Thủ tục cấp lại Thẻ nhân viên tư vấn phòng, chống bạo lực gia đình

Nội dung phương án đơn giản hóa

Sửa đổi, bổ sung Đơn đề nghị cấp lại Thẻ nhân viên tư vấn tại Mẫu số M9b1 Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư số 23/2014/TT-BVHTTDL. Bỏ phần kê khai về năm sinh, hộ khẩu thường trú, quốc tịch của công dân. Thay bằng: Họ và tên, số định danh cá nhân.

XI. THI ĐUA, KHEN THƯỞNG

1. Thủ tục xét tặng danh hiệu “Nghệ nhân nhân dân” trong lĩnh vực di sản văn hóa phi vật thể

Nội dung phương án đơn giản hóa

Sửa đổi, bổ sung Bản khai thành tích đề nghị xét tặng danh hiệu “Nghệ nhân nhân dân” tại Mẫu số 1 ban hành kèm theo Nghị định số 62/2014/NĐ-CP ngày 25 tháng 6 năm 2014 của Chính phủ quy định về xét tặng danh hiệu “Nghệ nhân nhân dân”, “Nghệ nhân ưu tú” trong lĩnh vực di sản văn hóa phi vật thể như sau: Bỏ các mục 1, 2, 3, 4, 5, 6; thay bằng: Số định danh cá nhân.

2. Thủ tục xét tặng danh hiệu “Nghệ nhân ưu tú” trong lĩnh vực di sản văn hóa phi vật thể

Nội dung phương án đơn giản hóa

Sửa đổi, bổ sung Bản khai thành tích đề nghị xét tặng danh hiệu “Nghệ nhân ưu tú” tại Mẫu số 2 ban hành kèm theo Nghị định số 62/2014/NĐ-CP ngày 25 tháng 6 năm 2014 của Chính phủ quy định về xét tặng danh hiệu “Nghệ nhân nhân dân”, “Nghệ nhân ưu tú” trong lĩnh vực di sản văn hóa phi vật thể như sau: Bỏ các mục 1, 2, 3, 4, 5, 6; thay bằng: Số định danh cá nhân.

3. Thủ tục xét tặng danh hiệu “Nghệ sĩ nhân dân”

Nội dung phương án đơn giản hóa

Sửa đổi, bổ sung mục I trong Bản khai thành tích đề nghị xét tặng danh hiệu “Nghệ sĩ nhân dân” tại Mẫu số 1a Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 89/2014/NĐ-CP ngày 29 tháng 9 năm 2014 của Chính phủ quy định về xét tặng danh hiệu “Nghệ sĩ nhân dân”, “Nghệ sĩ ưu tú” như sau: Bỏ các mục 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7; thay bằng: Họ và tên, số định danh cá nhân.

4. Thủ tục xét tặng danh hiệu “Nghệ sĩ ưu tú”

Nội dung phương án đơn giản hóa

Sửa đổi, bổ sung mục I trong Bản khai thành tích đề nghị xét tặng danh hiệu “Nghệ sĩ nhân dân” tại Mẫu số 1b Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 89/2014/NĐ-CP ngày 29 tháng 9 năm 2014 của Chính phủ quy định về xét tặng danh hiệu “Nghệ sĩ nhân dân”, “Nghệ sĩ ưu tú” như sau: Bỏ các mục 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7; thay bằng: Họ và tên, số định danh cá nhân.

5. Thủ tục xét tặng “Giải thưởng Hồ Chí Minh” về văn học, nghệ thuật

Sửa đổi, bổ sung mục 1. Thông tin cá nhân trong Bản đăng ký tác phẩm, công trình đề nghị xét tặng “Giải thưởng Hồ Chí Minh” về văn học, nghệ thuật tại Mẫu số 1a Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 90/2014/NĐ-CP ngày 29 tháng 9 năm 2014 của Chính phủ về “Giải thưởng Hồ Chí Minh”, “Giải thưởng Nhà nước” về văn học, nghệ thuật như sau: Bỏ các trường thông tin tại mục 1. Thông tin cá nhân; thay bằng: Họ và tên, số định danh cá nhân.

6. Thủ tục xét tặng “Giải thưởng Nhà nước” về văn học, nghệ thuật

Nội dung phương án đơn giản hóa

Sửa đổi, bổ sung mục 1. Thông tin cá nhân trong Bản đăng ký tác phẩm, công trình đề nghị xét tặng “Giải thưởng Nhà nước” về văn học, nghệ thuật tại Mẫu số 1b Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 90/2014/NĐ-CP ngày 29 tháng 9 năm 2014 của Chính phủ về “Giải thưởng Hồ Chí Minh”, “Giải thưởng Nhà nước” về văn học, nghệ thuật như sau: Bỏ các trường thông tin tại mục 1. Thông tin cá nhân; thay bằng: Họ và tên, số định danh cá nhân.

7. Thủ tục xét tặng Kỷ niệm chương “Vì sự nghiệp Văn hóa, Thể thao và Du lịch”

Nội dung phương án đơn giản hóa

Sửa đổi, bổ sung mục I trong Bản tóm tắt quá trình công tác và thành tích của cá nhân đề nghị xét tặng Kỷ niệm chương “Vì sự nghiệp Văn hóa, Thể thao và Du lịch” tại Mẫu số 4 Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư số 11/2014/TT-BVHTTDL ngày 01 tháng 10 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định về xét tặng Kỷ niệm chương “Vì sự nghiệp Văn hóa, Thể thao và Du lịch” như sau: Bỏ các trường thông tin tại mục I; thay bằng: Họ và tên, số định danh cá nhân.

XII. LĨNH VỰC XUẤT NHẬP KHẨU VĂN HÓA PHẨM KHÔNG NHẪM MỤC ĐÍCH KINH DOANH

1. Thủ tục cấp phép nhập khẩu văn hóa phẩm không nhằm mục đích kinh doanh thuộc thẩm quyền của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch

Nội dung phương án đơn giản hóa

Sửa đổi, bổ sung Đơn đề nghị cấp phép nhập khẩu văn hóa phẩm (trong trường hợp cá nhân đề nghị) tại Mẫu đơn ký hiệu BM.NK ban hành kèm theo Thông tư số 07/2012/TT-BVHTTDL ngày 16 tháng 7 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch hướng dẫn Nghị định số 32/2012/NĐ-CP ngày 12 tháng 4 năm 2012 của Chính phủ về quản lý xuất khẩu, nhập khẩu văn hóa phẩm không nhằm mục đích kinh doanh như sau: Bỏ cụm từ “Ghi chú: Đối với cá nhân, khi khai thông tin về tên, địa chỉ chỉ cần khai họ và tên, số định danh cá nhân” vào dưới mẫu Đơn đề nghị cấp phép nhập khẩu văn hóa phẩm.

2. Thủ tục giám định văn hóa phẩm xuất khẩu không nhằm mục đích kinh doanh của cá nhân, tổ chức ở trung ương

Nội dung phương án đơn giản hóa

Sửa đổi, bổ sung Đơn đề nghị cấp phép nhập khẩu văn hóa phẩm (trong trường hợp cá nhân đề nghị) tại Mẫu đơn ký hiệu BM.GĐ ban hành kèm theo Thông tư số 07/2012/TT-BVHTTDL ngày 16 tháng 7 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch hướng dẫn Nghị định số 32/2012/NĐ-CP ngày 12 tháng 4 năm 2012 của Chính phủ về quản lý xuất khẩu, nhập khẩu văn hóa phẩm không nhằm mục đích kinh doanh như sau: Bổ sung cụm từ “Ghi chú: Đối với cá nhân, khi khai thông tin về tên, địa chỉ chỉ cần khai họ và tên, số định danh cá nhân” vào dưới mẫu Đơn đề nghị giám định văn hóa phẩm xuất khẩu.

XIII. LĨNH VỰC QUẢN LÝ SỬ DỤNG VŨ KHÍ, SÚNG SẼN, VẬT LIỆU NỔ, CÔNG CỤ HỖ TRỢ

Thủ tục tiếp nhận hồ sơ đề nghị cấp giấy phép mang vũ khí, công cụ hỗ trợ vào, ra khỏi lãnh thổ Việt Nam để trưng bày, triển lãm văn hóa, nghệ thuật

Nội dung phương án đơn giản hóa

Sửa đổi, bổ sung mục 3 Đơn đề nghị cho phép mang vũ khí, công cụ hỗ trợ vào/ra khỏi lãnh thổ Việt Nam tại Mẫu số 01 ban hành kèm theo Thông tư số 06/2015/TT-BVHTTDL ngày 08 tháng 7 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định trình tự, thủ tục tiếp nhận hồ sơ cấp Giấy phép mang vũ khí, công cụ hỗ trợ vào, ra khỏi lãnh thổ Việt Nam để trưng bày, triển lãm trong hoạt động văn hóa, nghệ thuật; trình tự, thủ tục cho phép triển khai sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ làm đạo cụ như sau: Chỉ quy định cung cấp họ và tên, số định danh cá nhân, không quy định các trường thông tin cá nhân có thể khai thác trên Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư.

B. TRÁCH NHIỆM THỰC THI PHƯƠNG ÁN ĐƠN GIẢN HOÁ

I. GIAO BỘ VĂN HÓA, THỂ THAO VÀ DU LỊCH

1. Chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành liên quan xây dựng dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung, thay thế hoặc bãi bỏ, huỷ bỏ các quy định có liên quan:

- Nghị định số 180/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 92/2007/NĐ-CP ngày 01 tháng 6 năm 2007 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Du lịch;

- Nghị định số 01/2012/NĐ-CP ngày 04 tháng 01 năm 2012 sửa đổi bổ sung, thay thế hoặc bãi bỏ hủy bỏ các quy định có liên quan đến thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch;

- Nghị định số 106/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ quy định điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao;

- Nghị định số 113/2013/NĐ-CP ngày 02 tháng 10 năm 2013 của Chính phủ về hoạt động mỹ thuật;

- Nghị định số 62/2014/NĐ-CP ngày 25 tháng 6 năm 2014 của Chính phủ quy định về xét tặng danh hiệu “Nghệ nhân nhân dân”, “Nghệ nhân ưu tú” trong lĩnh vực di sản văn hóa phi vật thể;

- Nghị định số 02/2009/NĐ-CP ngày 6 tháng 01 năm 2009 của Chính phủ quy định về tổ chức và hoạt động của thư viện tư nhân có phục vụ cộng đồng;

- Nghị định số 61/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ quy định điều kiện kinh doanh giám định cổ vật và hành nghề bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh;

- Nghị định số 89/2014/NĐ-CP ngày 29 tháng 9 năm 2014 của Chính phủ quy định về xét tặng danh hiệu “Nghệ sĩ nhân dân”, “Nghệ sĩ ưu tú”;

- Nghị định số 90/2014/NĐ-CP ngày 29 tháng 9 năm 2014 của Chính phủ về “Giải thưởng Hồ Chí Minh”, “Giải thưởng Nhà nước” về văn học, nghệ thuật.

để thực hiện nội dung đơn giản hoá thủ tục hành chính nêu tại khoản 2 mục I; các khoản 3 đến 25 mục III; các khoản 1, 2, 4, 5, 6, 7, 9 mục V; điểm a khoản 2, khoản 3 mục VI; các khoản 1, 2, 4, 5, 6 mục VII; mục X; các khoản 1, 2, 3, 4, 5, 6 mục XI.

2. Xây dựng Thông tư sửa đổi, bổ sung, thay thế hoặc bãi bỏ, hủy bỏ các quy định có liên quan tại:

- Thông tư số 07/2011/TT-BVHTTDL ngày 07 tháng 6 năm 2011 của Bộ trưởng Văn hóa, Thể thao và Du lịch sửa đổi, bổ sung, thay thế hoặc bãi bỏ, hủy bỏ các quy định có liên quan đến thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch;

- Thông tư số 88/2008/TT-BVHTTDL ngày 30 tháng 12 năm 2008 của Bộ trưởng Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch hướng dẫn thực hiện Nghị định số 92/2007/NĐ-CP ngày 01 tháng 6 năm 2007 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Du lịch về lưu trú du lịch;

- Thông tư số 89/2008/TT-BVHTTDL ngày 31 tháng 12 năm 2008 của Bộ trưởng Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch hướng dẫn thực hiện Nghị định số 92/2007/NĐ-CP ngày 01 tháng 6 năm 2007 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Du lịch về kinh doanh lữ hành, chi nhánh, văn phòng đại diện của doanh nghiệp du lịch nước ngoài tại Việt Nam, hướng dẫn du lịch và xúc tiến du lịch;

- Thông tư số 16/2014/TT-BVHTTDL ngày 02 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch ban hành một số biểu mẫu thủ tục hành chính trong lĩnh vực thể dục, thể thao;

- Thông tư số 07/2004/TT-BVHTTDL ngày 19 tháng 2 năm 2004 của Bộ Văn hóa - Thông tin hướng dẫn trình tự, thủ tục đăng ký di vật, cổ vật, bảo vật quốc gia ;

- Thông tư số 13/2010/TT-BVHTTDL ngày 30 tháng 12 năm 2010 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định về trình tự, thủ tục đề nghị công nhận bảo vật quốc gia;

- Thông tư số 11/2011/TT-BVHTTDL ngày 19 tháng 9 năm 2011 hướng dẫn thực hiện một số quy định liên quan đến thủ tục hành chính trong lĩnh vực điện ảnh;

- Thông tư số 28/2014/TT-BVHTTDL ngày 31 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch ban hành Thông tư quy định về quản lý hoạt động mua bán hàng hóa quốc tế thuộc diện quản lý chuyên ngành văn hóa của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch;

- Thông tư số 17/2012/TT-BVHTTDL ngày 27 tháng 12 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao;

- Thông tư số 05/2012/TT-BVHTTDL ngày 02 tháng 5 năm 2012 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 04/2009/TT-BVHTTDL, Thông tư số 07/2011/TT-BVHTTDL, Quyết định số 55/1999/QĐ-BVHTT;

- Thông tư số 10/2013/TT-BVHTTDL ngày 06 tháng 12 năm 2013 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Quảng cáo và Nghị định số 181/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Quảng cáo;

- Thông tư số 08/2016/TT-BVHTTDL ngày 02 tháng 7 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định các biểu mẫu trong hoạt động đăng ký quyền tác giả, quyền liên quan;

- Thông tư số 15/2012/TT-BVHTTDL ngày 13 tháng 12 năm 2012 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch hướng dẫn hoạt động giám định quyền tác giả, quyền liên quan;

- Thông tư số 02/2010/TT-BVHTTDL ngày 16 tháng 3 năm 2010 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch Quy định chi tiết về thủ tục đăng ký hoạt động, giải thể cơ sở hỗ trợ nạn nhân bạo lực gia đình; cơ sở tư vấn về phòng, chống bạo lực gia đình; tiêu chuẩn của nhân viên tư vấn; cấp thẻ nhân viên tư vấn, chứng nhận nghiệp vụ chăm sóc, tư vấn và tập huấn phòng, chống bạo lực gia đình;

- Thông tư số 23/2014/TT-BVHTTDL ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 02/2010/TT-BVHTTDL ngày 16 tháng 3 năm 2010 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định chi tiết về thủ tục đăng ký hoạt động, giải thể cơ sở hỗ trợ nạn nhân bạo lực gia đình; cơ sở tư vấn về phòng, chống bạo lực gia đình; tiêu chuẩn của nhân viên tư vấn; cấp thẻ nhân viên tư vấn; chứng nhận nghiệp vụ chăm sóc, tư vấn và tập huấn phòng, chống bạo lực gia đình;

- Thông tư số 11/2014/TT-BVHTTDL ngày 01 tháng 10 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định về xét tặng Kỷ niệm chương “Vì sự nghiệp Văn hóa, Thể thao và Du lịch”;

- Thông tư số 07/2012/TT-BVHTTDL ngày 16 tháng 7 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch hướng dẫn Nghị định số 32/2012/NĐ-CP ngày 12 tháng 4 năm 2012 của Chính phủ về quản lý xuất khẩu, nhập khẩu văn hóa phẩm không nhằm mục đích kinh doanh;

- Thông tư số 06/2015/TT-BVHTTDL ngày 08 tháng 7 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định trình tự, thủ tục tiếp nhận hồ sơ cấp Giấy phép mang vũ khí, công cụ hỗ trợ vào, ra khỏi lãnh thổ Việt Nam để trưng bày, triển lãm trong hoạt động văn hóa, nghệ thuật; trình tự, thủ tục cho phép triển khai sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ làm đạo cụ.

để thực hiện nội dung đơn giản hoá thủ tục hành chính nêu tại các khoản 1, 2, 4, 5, 6 mục I; mục II; khoản 2 mục III; các khoản 1, 2, 3, 4 mục IV; các khoản 2, 4, 3, 8, 9 mục V; các khoản 1, 2 mục VI; khoản 3 mục VII; các khoản 1, 2, 3, 4, 5, 6 mục VIII; các khoản 1, 2, 3, 4, 5 mục IX; khoản 7 mục XI; các khoản 1, 2 mục XII; mục XIII.

II. GIAO BỘ NỘI VỤ

Sửa đổi, bổ sung Thông tư số 03/2013/TT-BNV ngày 16 tháng 4 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ quy định chi tiết thi hành Nghị định số 45/2010/NĐ-CP ngày 21 tháng 4 năm 2010 của Chính phủ quy định tổ chức, hoạt động và quản lý Hội và Nghị định số 33/2012/NĐ-CP ngày 13 tháng 4 năm 2012 sửa đổi, bổ sung Nghị định số 45/2010/NĐ-CP./.

TM. CHÍNH PHỦ
THỦ TƯỚNG



Nguyễn Xuân Phúc